

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:

Tích cực



VN-Index giảm xuống 471,73 điểm từ đầu phiên với khối lượng giao dịch đạt 26,37 tỷ đồng. Từ đầu đợt 2, chỉ số đảo chiều khi dòng tiền bắt đầu có dấu hiệu quay lại thị trường, ban đầu giao động khoảng 473-475 điểm rồi nhanh chóng tăng tốc, tạo ra các mức điểm cao hơn về cuối phiên giao dịch. Việc VN-Index tăng mạnh vào cuối phiên có vai trò quan trọng từ một số cổ phiếu blue-chips như SSI, ITA, MSN, BVH... Kết thúc phiên, VN-Index tạm dừng ở mức cao nhất trong phiên với 479,33 điểm, tăng 6,28 điểm, tương đương 1,32% so với phiên hôm qua.

Nhà đầu tư đẩy mạnh giao dịch về nửa cuối phiên khiến thanh khoản tăng mạnh lên tới 89,11 triệu cổ phiếu, tương đương với 2.007 tỷ đồng giá trị. Riêng giao dịch thỏa thuận đạt 1000 tỷ đồng với 42 triệu đơn vị. SSI dẫn đầu về khối lượng khớp lệnh với 4,2 triệu đơn vị và kết thúc phiên vẫn còn dư mua trần. Ngoài ra, các cổ phiếu khác như STB, MCG, OCG, ITA, EIB...cũng đều đạt trên 1,5 triệu đơn vị khối lượng. Nhiều cổ phiếu vừa và nhỏ cũng tăng mạnh với lượng dư mua giá trần lớn như VNE, VHG, VID... Tại thời điểm đóng cửa, toàn thị trường có 199 cổ phiếu tăng giá, 31 cổ phiếu giảm giá và 50 cổ phiếu giảm giá.

Giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài tăng khá mạnh, đặc biệt là khối lượng bán ra. Toàn phiên, khối ngoại bán ròng 0,7 triệu đơn vị, tương đương với 480 triệu đồng. Các cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất gồm CTG, PVD, ITA và các cổ phiếu được bán ròng nhiều nhất gồm STB, SBS, PVF.

Mức hỗ trợ 469-470 điểm là một mức hỗ trợ tốt trong ngắn hạn. Khối lượng giao dịch tăng khá xuất phát từ dòng tiền đầu cơ đã bắt đầu quay lại với thị trường. Thị trường vẫn đang diễn biến tích cực về trung hạn. Tuy nhiên, trong ngắn hạn, thị trường đang có đỉnh khá cứng tại 497 điểm, tại đó có phiên giao dịch với 135 tr cổ phiếu. Do vậy thị trường khó có thể vượt qua khu vực 497 điểm này trong ngắn hạn. Ngược lại khu vực 470 điểm đang trở thành ngưỡng hỗ trợ tốt trong

ngắn hạn. Thị trường vẫn đang tích cực nhưng khả năng tăng mạnh không nhiều và thị trường cần có những tín tức tốt hơn để có thể tích cực hơn.

HNX:

Rủi ro T+4



HNX-Index tăng điểm ngay khi mở cửa và cũng giống như VN-Index tăng mạnh về nửa sau phiên giao dịch. Tại thời điểm đóng cửa, chỉ số đạt 114,81 điểm, tăng 3,38 điểm, tương đương với 3,03% so với phiên trước.

Khối lượng giao dịch tăng mạnh, với gần 55 triệu đơn vị, tương đương với 903,4 tỷ đồng giá trị được sang tay, tăng 28% so với phiên trước. KLS, VND, SHN, HBB là các cổ phiếu có thanh khoản lớn nhất trên sàn. Các cổ phiếu có độ nhạy với thị trường cao như SHN, BVS, KLS, SSS... phần lớn đều tăng trần. Kết thúc phiên, có 250 cổ phiếu tăng giá, 52 cổ phiếu đứng giá và 66 cổ phiếu giảm giá.

Khối ngoại cũng tăng cường bán ra trên sàn này và toàn phiên bán ròng 1,96 tỷ đồng. Các cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất gồm PVS, PVI, PHS và các cổ phiếu bán ròng nhiều nhất gồm PVX, KLS, EBS.

Sàn HNX tiếp tục có những tín hiệu tích cực trong ngắn hạn. Dòng tiền đầu cơ đã bắt đầu quay lại và tập trung nhiều vào các cổ phiếu ngành tài chính như KLS và VND. Hiện tại, mức hỗ trợ của chỉ số này là 110 điểm và mức kháng cự thật sự mạnh của chỉ số là tại mức 120 điểm. Thị trường hôm nay chỉ còn cách mốc này 5 điểm và do vậy các hoạt động mua vào sẽ khá rủi ro cho T+4.

Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Cùng chung với biến động của thị trường, các cổ phiếu thuộc PVN hầu hết đều tăng giá trong phiên hôm nay. Trong số 29 cổ phiếu niêm yết, trừ PET, PVD và PVF đứng giá, các cổ phiếu còn lại đều tăng giá. Các cổ phiếu tăng giá mạnh

nhất gồm ICG tăng 5,71%, PV2 tăng 6,14% , PVC tăng 6,9%, PVV tăng 6,25%. Trung bình, các cổ phiếu này tăng 3,23% với tổng khối lượng giao dịch đạt 12 triệu đơn vị khối lượng.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 28/12:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa (VNĐ)	KLGD (cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B *	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	ICG	CTCP Xây dựng Sông Hồng	22,200	509,800	↑ 5.71	1.67	9.54	HNX
2	PDC	CTCP Du lịch Dầu khí Phương Đông	10,800	42,800	↑ 4.85	1.39	112.97	HNX
3	PFL	CTCP Bất động sản Tài chính Dầu khí VN	14,400	211,700	↑ 4.35	0.63	N/A	HNX
4	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	27,000	508,180	↑ 3.85	1.78	2.15	HNX
5	PHH	CTCP Hồng hà Dầu khí	16,000	150,800	↑ 2.56	1.37	6.62	HNX
6	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	13,700	419,100	↑ 5.38	1.18	10.66	HNX
7	PV2	CTCP Đầu tư và Phát triển PVI	12,100	215,900	↑ 6.14	0.75	N/A	HNX
8	PVA	CTCP Xây dựng Dầu khí Nghệ An	45,100	233,400	↑ 4.40	2.41	6.57	HNX
9	PVC	Tổng CTCP Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	27,900	930,400	↑ 6.90	2.15	7.12	HNX
10	PVE	CTCP Tư vấn Đầu tư và Thiết bị Dầu khí	16,700	112,000	↑ 5.03	1.48	7.04	HNX
11	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	13,900	286,800	↑ 0.72	0.62	10.44	HNX
12	PVI	Tổng CTCP Bảo hiểm Dầu khí	18,500	127,000	↑ 2.78	1.71	8.18	HNX
13	PVL	CTCP Bất động sản Điện lực Dầu khí VN	15,500	885,400	↑ 4.73	1.38	N/A	HNX
14	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí VN	12,200	130,700	↑ 4.27	0.69	22.95	HNX
15	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	21,100	253,400	↑ 2.43	1.74	5.53	HNX
16	PVV	CTCP Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC	15,300	33,600	↑ 6.25	1.26	5.94	HNX
17	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí VN	22,300	3,562,400	↑ 4.21	1.48	7.19	HNX
18	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	38,200	674,000	↑ 0.26	2.58	8.83	HSX
19	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	17,600	704,850	→ 0.00	1.05	7.18	HSX
20	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí VN	35,000	145,410	↑ 2.34	3.13	5.17	HSX
21	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	12,700	244,200	↑ 3.25	0.53	14.04	HSX
22	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	52,500	354,460	→ 0.00	3.97	15.03	HSX
23	PVF	Tổng CTCP Tài chính Dầu khí	24,200	160,890	→ 0.00	2.26	49.32	HSX
24	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	10,600	453,140	↑ 0.95	0.89	41.65	HSX
25	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	15,700	69,530	↑ 3.97	1.51	7.09	HSX
26	PXL	CTCP ĐT khu công nghiệp dầu khí – Idico Long Sơn	11,000	428,930	↑ 1.85	0.99	N/A	HSX
27	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	13,100	100,560	↑ 4.80	1.11	10.14	HSX
28	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	14,800	63,820	↑ 0.68	1.39	6.36	HSX
29	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	10,400	70,040	↑ 0.97	0.88	13.10	HSX
30	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	10,900	13,000	↓ -7.63	0.97	24.42	UPCOM
31	PCT	CTCP Vận tải Dầu khí Cửu Long	5,800	48,000	↑ 7.41	0.59	N/A	UPCOM
32	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	10,000	-	→ 0.00	N/A	N/A	UPCOM
33	PSB	CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	9,000	37,900	↑ 4.65	0.82	N/A	UPCOM
34	PSP	CTCP cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ	7,300	21,400	↑ 4.29	0.73	N/A	UPCOM
35	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	6,700	2,100	↑ 9.84	0.67	N/A	UPCOM
36	PX1	CTCP Xi măng Dầu khí 12/9	15,700	-	→ 0.00	N/A	N/A	UPCOM

* Giá trị sổ sách và EPS tính trên báo cáo hợp nhất quý gần nhất hoặc năm gần nhất

Nguồn: Thomson Reuters,
Google Finance;
CNNMoney, CNBC



Kinh tế vĩ mô hôm nay không đón nhận nhiều tin mới, hai chỉ số S&P 500 và Nasdaq trên thị trường chứng khoán Mỹ và FTSE 100 (Anh) tiếp tục tăng điểm trong phiên giao dịch đầu tiên sau lễ Giáng Sinh.

Châu Á: Hôm qua, cơ quan thống kê Nhật Bản đã công bố một số chỉ số kinh tế tháng 11, thể hiện một số dấu hiệu tích cực như tỷ lệ thất nghiệp chững lại ở mức 5.1%, sản lượng công nghiệp tháng 11 tăng lần đầu tiên trong 6 tháng với mức 1%. Tuy nhiên lực lượng lao động chưa có sự cải thiện, giảm 0.3% so với cùng kỳ 2009. Chỉ số giá tiêu dùng tiếp tục giảm, đánh dấu mức giảm 21 tháng liên tiếp. CPI cơ bản, trừ năng giá thực phẩm tươi sống, giảm 0.1% so với tháng 10 và 0.5% so với cùng kỳ năm 2009.

Hàn Quốc dự thảo chính sách tăng chi phí vay mượn với mục đích kiềm chế lạm phát. Lạm phát tháng 11 đã giảm xuống còn 3.3% từ mức cao 20 tháng xác lập trong tháng 10 và phá vỡ mức trần 4% của Ngân Hàng Trung Ương. Chính phủ dự kiến sẽ đánh thuế các khoản vay mượn ngoại tệ của các ngân hàng, tăng cường hình phạt đối với giao dịch tiền tệ sai phạm và thắt chặt những quy định vốn phái sinh.

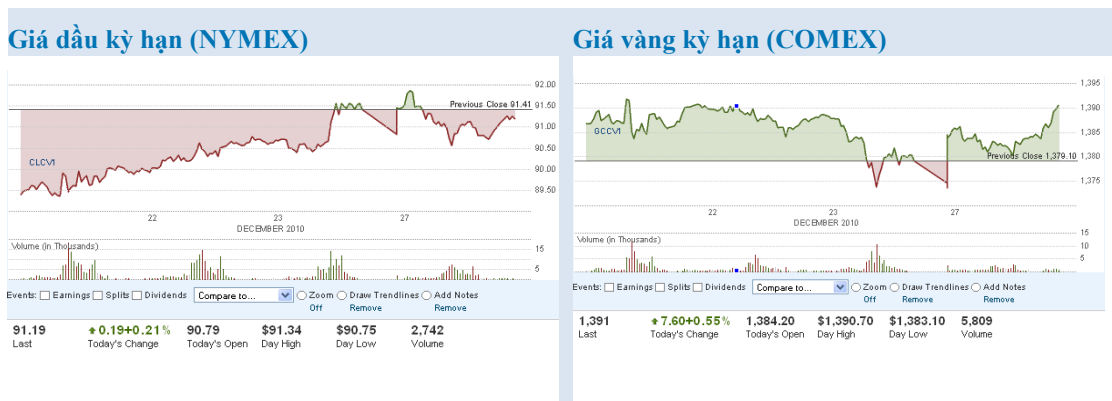
Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) vừa đưa ra dự dự báo tăng trưởng của các nền kinh tế Đông Á mới nổi năm 2011, dự kiến tăng trưởng trung bình đạt lên 7,3% trong 9 tháng đầu năm 2011. Theo đó Trung Quốc sẽ vẫn dẫn đầu với mức tăng 9.1%, các nước khối Asean sẽ tăng trưởng trung bình 5.1%

Tình hình trong nước. v Theo Sở Công Thương, CPI Hà nội tháng đầu năm 2011 sẽ tăng do dự báo từ nay đến Tết Nguyên đán, giá cả một số mặt hàng sẽ tăng nhẹ. Nhu cầu mua sắm cũng sẽ tăng. Bên cạnh việc tăng giá hàng tiêu dùng, việc sẽ có một lượng tiền lớn từ ngân hàng ra lưu thông để đáp ứng nhu cầu lương, thưởng cuối năm, cũng sẽ khiến CPI tăng mạnh. Dự báo CPI tháng 1/2011 của Hà Nội sẽ tăng 1,3-1,5%.

Giá vàng trong nước hôm nay đã tăng nhẹ so với hôm qua do nhu cầu tăng dần vào dịp cuối năm. Giá vàng trung bình sáng qua trên cửa hàng vàng quanh mức 35.80/35.89 tr đồng/lượng (mua vào/bán ra) , tăng 30 ngàn/lượng. Tỷ giá đô la trên thị trường tự do cũng tăng nhẹ, giao dịch quanh mức 21,040/21,090 (mua vào/bán ra).

THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

Nguồn: Reuters, Google
Finance; CNNMoney,
CNBC



Giá vàng trên thế giới tăng trở lại sau khi sụt giảm vì lãi suất tăng ở Trung Quốc. Giá dầu tiếp tục giảm

Giá vàng tăng mạnh trở lại: Sau khi giảm hơn 0.4% xuống giá thấp nhất từ 1/12, giá vàng đã tăng trở lại, vào hồi 6h37 GMT+7, giá vàng giao ngay trên sàn New York 1383,55 tăng 0.3%, hiện tại lúc 13h39 GMT+7, giá vàng tiếp tục tăng lên 1391.9 tương đương 0.6%. Giá vàng kỳ hạn giao tháng 2 cũng tăng 0.6% lên 1390.5. Giá vàng tăng mạnh chủ yếu là do nhu cầu tăng ở khu vực Châu Á khi đồng đôla vẫn tiếp tục suy yếu do với đồng yên và đôla Úc.

Giá dầu tiếp tục giảm: Giá dầu kỳ hạn trên sàn New York giảm hơn 51 cent, đóng cửa giao dịch ở mức xuống 91\$/thùng, sau khi đạt mức cao nhất 91.88\$/thùng trong phiên giao dịch. Giá dầu Brent giao tháng 2 tại London tăng nhẹ 12 cents lên 93.89\$/thùng. Giá dầu giảm do tâm lý lo ngại về việc tăng lãi suất ở Trung Quốc, và sản lượng đã được đảm bảo hơn khi các nhà máy lọc dầu ở Bồ Đông hoạt động trở lại

Giá chè thế giới tăng mạnh trong dịp cuối năm: ngoại trừ giá chè giảm tại Kenya và Bangladesh do chất lượng kém, các thị trường khác như Sri Lanka, Ấn Độ giá đều tăng mạnh nhờ sức mua tăng mạnh. Ở Việt Nam, Hiệp hội Chè cho biết, sau 2 năm mất giá, những ngày cận kề tết Nguyên đán, giá chè xuất khẩu đã tăng mạnh hơn 30% so với đầu năm 2010.

Sát nhập 3 công ty XK thủy sản lớn: Thủ tướng Chính phủ vừa đồng ý về nguyên tắc việc hợp nhất 3 Tổng công ty Thủy Sản Việt Nam, Hải sản Biển Đông và Thủy sản Hạ Long thành Tổng công ty Thủy sản Việt Nam (mới) hoạt động theo mô hình công ty mẹ-công ty con. Việc sát nhập nhằm tạo ra sự đồng bộ trong quy trình chế biến các sản phẩm thủy, hải sản, đồng thời chủ động nguồn nguyên liệu trong quá trình sản xuất, kinh doanh và xây dựng thương hiệu thủy sản Việt Nam.

LỊCH SỰ KIẾN TRONG TUẦN

Lịch đấu giá các công ty

Công ty	VĐL (tỷ đồng)	Tổng số CP chào bán	Giá khởi điểm (đ/cp)	Ngày đấu giá	Thời gian nhận đặt cọc
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Xây dựng Trường Thịnh (lần 2)	34.70	924,709	16,000	24/01/2011	
Công ty TNHH Một thành viên Việt Trung	28.66	1,331,367	10,010	6/01/2011	Từ 17/12/2010 đến 30/12/2010
Công ty Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang	350.00	4,292,800	10,000	5/01/2011	Từ 16/12/2010
CTCP Thiết bị phụ tùng Đà Nẵng	41.00	1,931,760	26,000	30/12/2010	Từ 12/09/2010 đến 12/23/2010
Công ty Nông thổ sản II	64.00	4,313,200	10,000	30/12/2010	Từ 09/12/2010
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (PETEC)	2,600.00	13,000,000	21,000	29/12/2010	Từ 10/12/2010
Cảng Mỹ Thới An Giang	138.00	956,900	10,000	28/12/2010	Từ 09/12/2010
Công ty Vật liệu Xây dựng và Lâm sản	63.00	2,030,200	10,500	27/12/2010	

Danh sách các công ty đã nộp hồ sơ xin niêm yết

Công ty	Địa chỉ đăng ký niêm yết	VĐL (tỷ đồng)	Ngày nộp hồ sơ
CTCP Thép Nam Kim	HSX	230	22/12/2010
CTCP Cơ điện Thủ Đức	HSX	80.73	17/12/2010
CTCP Gạch ngói gốm xây dựng Mỹ Xuân	HNX	53.20694	16/12/2010
CTCP Đầu tư & Thương mại Dầu khí Nghệ An	HNX	108	30/11/2010
CTCP Đầu tư Sông Hồng - Thăng Long	HNX	30	26/11/2010
CTCP Hanel Xốp Nhựa	HNX	50	26/11/2010
CTCP Tập đoàn Tân Mai	HNX	780.74927	24/11/2010
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	HSX	604.921	23/11/2010
CTCP Đầu tư Kiến trúc Xây dựng Toàn Thịnh Phát	HNX	300	23/11/2010
CTCP Tấn Phát	HSX	120	19/11/2010
TCP Sản xuất và Thương mại Minh Phúc	HNX	47.5777	15/11/2010
CTCP Chứng khoán An Thành	HNX	41	12/11/2010
CTCP Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long	HSX	250	11/11/2010
CTCP Thực phẩm Bích Chi	HSX		03/11/2010
CTCP Thép Nam Kim	HSX	230	25/10/2010
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I	HSX	38	18/10/2010
CTCP Bất động sản Dầu khí	HNX	100	18/10/2010

Danh sách các công ty đã được chấp thuận niêm yết

Công ty	Địa chỉ đăng ký niêm yết	VĐL (tỷ đồng)	Ngày được chấp thuận
Công ty Cổ phần Phú Tài	HSX		23/12/2010
CTCP Đường Kon Tum	HNX	30	23/12/2010
CTCP Gỗ MDF - Geruco - Quảng Trị	HNX	344.46	17/12/2010
Công ty Cổ phần Xây dựng 47	HSX		17/12/2010
CTCP Đường Bình Định	HNX		16/12/2010

CTCP Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	HNX	150	09/12/2010
CTCP Đầu tư Phát triển Gas Đô Thị	HNX	188.7	09/12/2010
CTCP Thiết kế - Xây dựng – Thương mại Phúc Thịnh	UPCOM		03/12/2010
CTCP Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước	HSX	120	01/12/2010
Tổng CTCP Bảo hiểm Bưu điện	HNX	450	26/11/2010
CTCP Than Vàng Danh - TKV	HNX	152.8079	26/11/2010
CTCP Địa ốc 11	HNX	26	26/11/2010
Tổng CTCP Y tế Danameco	HNX		25/11/2010
CTCP Thủy sản Getranco	HNX		25/11/2010
CTCP Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên	HSX		25/11/2010

Lịch niêm yết lần đầu

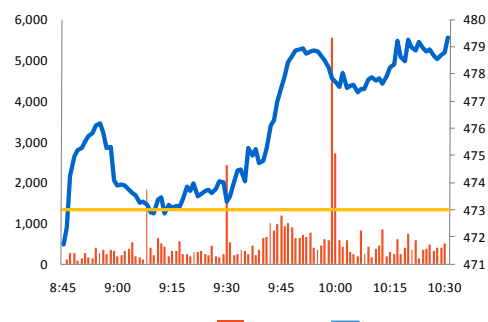
Công ty	Mã CK	Địa chỉ niêm yết	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Giá chào sàn (Đồng)	Ngày giao dịch
CTCP Than Vàng Danh - TKV	TVD	HNX	152.81		11/01/2011
Công ty Cổ phần Kỹ Thuật và Ô tô Trường Long	HTL	HSX	80.00		10/01/2011
CTCP Dịch vụ Bến Thành	BSC	HNX	30.00		05/01/2011
CTCP Viễn thông – Tin học – Điện tử	KST	HNX	30.00		29/12/2010
CTCP Mía đường 333	S33	UPCOM	23.00		29/12/2010
CTCP Đầu tư Phát triển Gas Đô Thị	PCG	HNX	188.70		29/12/2010
CTCP Hãng sơn Đồng Á	HAD	HNX	22.00		27/12/2010
CTCP Mỹ thuật và Truyền thông	ADC	HNX	10.00		24/12/2010
CTCP Vận tải biển Sài Gòn	SGS	UPCOM	14.42		22/12/2010
CTCP Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long	VLF	HSX	104.00		21/12/2010
CTCP Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO	HTI	HSX	249.49		20/12/2010
CTCP Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt may	VTI	UPCOM			17/12/2010
CTCP Everpia Việt Nam	EVE	HSX	153.28		17/12/2010
CTCP Đầu tư và Phát triển PVI	PV2	HNX	182.51		16/12/2010
CTCP Tập đoàn Mai Linh Bắc Trung Bộ	MNC	HNX	70.17		16/12/2010
CTCP Kim Khí Miền Trung	KMT	HNX			15/12/2010
CTCP Viễn Thông Vạn Xuân	VAT	HNX	12.00		15/12/2010

Nguồn: HSX, HSX

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

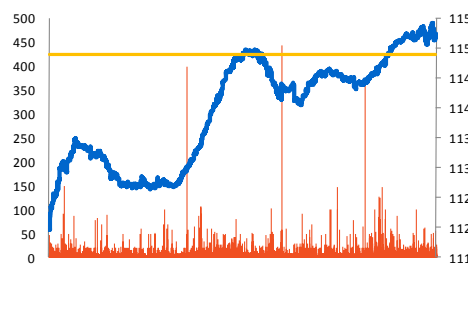
HSX

	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	479.33 ↑	6.28	1.33%
KLGD (triệu ck)	89.11 ↑	50.50	130.81%
GTGD (tỷ đồng)	2,077.01 ↑	1,159.90	126.47%
Tổng cung (triệu ck)	134.61 ↑	15.19	12.72%
Tổng cầu (triệu ck)	168.37 ↑	32.61	24.02%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	3.56 ↑	0.15	4.35%
KL bán (triệu ck)	4.28 ↑	2.91	210.94%
Giá trị mua (tỷ đồng)	148.62 ↑	16.78	12.73%
Giá trị bán (tỷ đồng)	149.08 ↑	88.62	146.55%



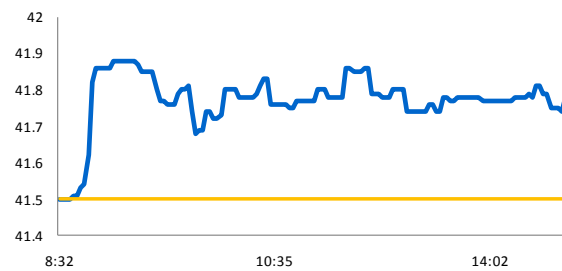
HNX

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	114.81 ↑	3.38	3.03%
KLGD (triệu ck)	45.00 ↑	8.84	24.44%
GTGD (tỷ đồng)	903.38 ↑	198.90	28.23%
Tổng cung (triệu ck)	52.50 ↑	11.15	26.97%
Tổng cầu (triệu ck)	75.68 ↑	27.35	56.58%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.33 ↓	-0.06	-16.03%
KL bán (triệu ck)	0.41 ↑	0.15	54.31%
Giá trị mua (tỷ đồng)	6.41 ↓	-2.45	-27.61%
Giá trị bán (tỷ đồng)	8.38 ↑	3.21	62.02%



UPCOM

	Giá trị	Thay đổi	± %
UPCOM-Index	41.86 ↑	0.41	0.99%
KLGD (triệu ck)	0.55 ↑	0.18	48.14%
GTGD (tỷ đồng)	5.13 ↑	0.28	5.70%
Tổng cung (triệu ck)	0.90 ↓	-0.04	-3.88%
Tổng cầu (triệu ck)	4.12 ↑	3.47	530.39%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.00 ↑	0.00	0.00%
KL bán (triệu ck)	0.00 ↑	0.00	0.00%
Giá trị mua (tỷ đồng)	0.00 ↑	0.00	0.00%
Giá trị bán (tỷ đồng)	0.00 ↑	0.00	0.00%



HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
EIB	16,500	16,600	0.61	375,064
SSI	31,000	32,500	4.84	247,171
KBC	34,000	34,000	0.00	141,539
OGC	24,000	24,300	1.25	97,824
SJS	60,500	61,000	0.83	67,163

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
ITA	16,000	16,800	800	5.00
TIX	38,300	40,200	1,900	4.96
DAG	16,200	17,000	800	4.94
NTB	16,200	17,000	800	4.94
VIS	30,400	31,900	1,500	4.93

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
EVE	46,200	43,900	-2,300	-4.98
STG	24,800	23,600	-1,200	-4.84
FBT	10,500	10,000	-500	-4.76
VLV	27,400	26,100	-1,300	-4.74
VSI	23,500	22,400	-1,100	-4.68

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
VNM	24,881	VNM	25,440
DPM	16,628	STB	21,893
PVD	15,112	SBS	19,359
HAG	10,461	DPM	18,505
FPT	8,931	FPT	10,765

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
VND	23,200	24,800	6.90	86,325
KLS	15,700	16,700	6.37	82,451
PVX	21,400	22,300	4.21	77,885
SHN	22,000	23,500	6.82	63,107
SCR	31,000	32,000	3.23	37,211

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
HNM	10,000	10,700	700	7.00
NHA	25,800	27,600	1,800	6.98
HDO	15,800	16,900	1,100	6.96
GBS	11,500	12,300	800	6.96
DNP	14,400	15,400	1,000	6.94

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
HTC	40,200	37,400	-2,800	-6.97
PSC	35,900	33,400	-2,500	-6.96
MNC	10,100	9,400	-700	-6.93
BBS	18,800	17,500	-1,300	-6.91
SFN	14,500	13,500	-1,000	-6.90

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
PVS	1,290	PVX	3,648
PVX	1,022	KLS	1,590
VCG	859	VCG	735
KLS	777	PVC	509
SHN	618	SHN	460

UPCOM

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
TGP	6,300	6,900	9.52	1,057
ABI	6,300	6,800	7.94	410
HIG	20,000	20,000	0.00	382
PSB	8,600	9,000	4.65	337
DBM	53,800	53,800	0.00	295

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
PTT	6,100	6,700	600	9.84
ND2	6,200	6,800	600	9.68
TGP	6,300	6,900	600	9.52
SMB	14,100	15,400	1,300	9.22
MAX	25,700	28,000	2,300	8.95

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
SGS	100,100	11,500	-88,600	-88.51
VCT	11,400	10,300	-1,100	-9.65
HU1	17,500	16,100	-1,400	-8.00
PPP	10,400	9,600	-800	-7.69
NT2	11,800	10,900	-900	-7.63

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 3934 3888



PSI CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Phòng giao dịch số 2:

Tầng 1, tòa nhà Petro Việt Nam, số 18 Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội – ĐT: (84-4)37727308; Fax: (84-4)37727312

Phòng giao dịch số 3

Tầng 1, tòa nhà 22 Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội – ĐT: (84-4) 39393875-77; Fax: (84-4) 39393874

Phòng giao dịch số 4

Tầng 1, số 4A Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội – ĐT: (84-4)37724434; Fax: (84-4)39426800

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT: (84-8) 39111818; Fax: (84-8) 39111919

Chi nhánh Vũng Tàu:

Phòng 112, Tòa nhà Petro Tower, số 08 Hoàng Diệu, TP.Vũng Tàu – ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339